

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2018
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đào

Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 429/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Chế Thị C, sinh năm: 1984 “vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Vương Thúc Đ, sinh năm: 1982 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Tổ 12, ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Chế Thị C trình bày: Chị và anh Vương Thúc Đ chung sống vào năm 2015, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G vào ngày 22-01-2015. Ngày cưới gia đình chồng có cho chị 01 đôi bông 01 chỉ, 01 sợi dây 03 chỉ, 01 chiếc lắc 03 chỉ, và 01 cặp nhẫn cưới, tất cả là vàng 24k, hiện tại số nữ trang này không còn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với gia đình chồng tại Ấp A, xã B, huyện G cho đến ngày ly thân.

Vợ chồng chung sống không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01-2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ. Vợ chồng mạnh ai nấy làm, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng làm ra tiền của ai người đó xài. Chồng chị không lo cho gia đình mà còn ham chơi, chị có khuyên chồng lo làm ăn cho gia đình nhưng chồng chị không nghe. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với chồng chị là anh Đ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Vương Thúc Đ trình bày: Anh thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị C. Vợ chồng mâu thuẫn là do không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh Đ chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2015, trước đó có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G vào ngày 22-01-2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị C có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Cả hai đều trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến thường xuyên cãi vã, từ đó vợ chồng đối xử lạnh nhạt với nhau nên cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc; trong thời gian ly thân vợ chồng không ai có thiện chí hàn gắn gia đình. Khi chị C yêu cầu ly hôn anh Đ đồng ý. Tuy nhiên, chị C xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Đ xin vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị C chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân, theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chế Thị C đối với anh Vương Thúc Đ, chị C được ly hôn với anh Đ.

2/. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3/. Về án phí: Chị C chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013474 ngày 01-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Vân Quỳnh